

Số 372 /TT-ABIC-HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

V/v Thông qua kết quả kinh doanh năm 2025 và  
phê chuẩn Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua ngày 15/6/2023 và Phụ lục sửa đổi Điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025;
- Căn cứ Nghị quyết số 482/NQ-ABIC-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính 2025 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam,

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kết quả kinh doanh năm 2025 và phê chuẩn Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam (tài liệu đính kèm). Một số chỉ tiêu chính thực hiện năm 2025 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025 (đồng)	Thực hiện 2025 (đồng)	Thực hiện /Kế hoạch 2025 (%)	Tăng trưởng so với năm 2024 (%)
I	<b>Doanh thu kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>2.650.000.000.000</b>	<b>2.791.290.886.423</b>	<b>105,3</b>	<b>14,8</b>
1	Phí bảo hiểm gốc	2.490.000.000.000	2.627.022.351.034	105,5	14,2
2	Phí nhận tái bảo hiểm	160.000.000.000	164.268.535.389	102,7	26,2
II	<b>Doanh thu đầu tư tài chính</b>	<b>140.000.000.000</b>	<b>153.413.090.287</b>	<b>109,6</b>	<b>2,3</b>
III	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>315.000.000.000</b>	<b>318.839.355.659</b>	<b>101,2</b>	<b>24,5</b>

**Ghi chú:** Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Công ty được công bố theo quy định, đồng thời đăng tải trên Websites của Công ty (<http://abic.com.vn>) bao gồm: Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc; Báo cáo kiểm toán độc lập; Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết nghị./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCKT, CSNS, VPTSC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiên Hải



**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2025**



**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp  
Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Kinh doanh  
Bảo hiểm số**

38/GP/KDBH

ngày 18 tháng 10 năm 2006

Giấy phép Kinh doanh Bảo hiểm do Bộ Tài chính cấp, có hiệu lực từ ngày ký và đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC10/KDBH ngày 27 tháng 10 năm 2025.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Tiến Hải  
Ông Lê Hồng Quân  
Ông Đỗ Minh Hoàng  
Ông Trần Anh Tuấn  
Ông Thi Văn Tân

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

*(từ ngày 4 tháng 12 năm 2025)*

Ông Hoàng Thanh Tùng

Thành viên

*(đến ngày 3 tháng 12 năm 2025)*

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Quyết  
Ông Trương Đình Cảnh  
Ông Nguyễn Ngọc Kiên  
Ông Kiều Gia Quý

Trưởng ban

*(từ ngày 4 tháng 12 năm 2025)*

Trưởng ban

*(đến ngày 3 tháng 12 năm 2025)*

Thành viên

Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Hồng Thái

Tổng Giám đốc

*(từ ngày 1 tháng 8 năm 2025)*

Phó Tổng Giám đốc

phụ trách điều hành

*(từ ngày 4 tháng 7 năm 2025*

*đến ngày 31 tháng 7 năm 2025)*

Phó Tổng Giám đốc

*(đến ngày 4 tháng 7 năm 2025)*

Ông Nguyễn Hồng Phong

Tổng Giám đốc

*(đến ngày 10 tháng 7 năm 2025)*

Ông Quách Tá Khang

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đậu Ngọc Linh

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Mậu Việt

Phó Tổng Giám đốc

*(từ ngày 15 tháng 8 năm 2025)*

Ông Lê Đình Huy

Phó Tổng Giám đốc

*(từ ngày 1 tháng 10 năm 2025)*

**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp  
Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Người đại diện theo  
pháp luật**

Ông Nguyễn Tiến Hải                      Chủ tịch  
Ông Nguyễn Hồng Thái - Tổng Giám đốc được Ông Nguyễn Tiến Hải ủy  
quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 1088/UQ-ABIC-PC  
ngày 24 tháng 12 năm 2025.

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 6, Tòa nhà chung cư 29T1, Đường Hoàng Đạo Thúy  
Phường Yên Hòa  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

2  
4  
N  
V  
P


**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,  
  
Nguyễn Hồng Thái  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2026



Công ty TNHH KPMG  
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,  
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 6 đến trang 51.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-02-00218-26-1



Đàm Xuân Lâm

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0861-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2026

Lê Nhật Vương

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3849-2022-007-1

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 190)</b>			
	<b>100</b>		<b>4.615.333.975.289</b>	<b>4.180.315.820.249</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>			
	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>127.754.024.581</b>	<b>152.298.936.107</b>
1	Tiền	111	107.754.024.581	126.298.936.107
2	Các khoản tương đương tiền	112	20.000.000.000	26.000.000.000
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>3.553.789.406.800</b>	<b>3.157.247.291.700</b>
1	Đầu tư ngắn hạn	121	3.553.789.406.800	3.157.247.291.700
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>			
	<b>130</b>		<b>272.312.712.218</b>	<b>246.297.029.009</b>
1	Phải thu khách hàng	131	176.665.808.795	155.371.996.884
1.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	39.918.811.264	38.665.339.028
1.2	Phải thu khác của khách hàng	131.2	136.746.997.531	116.706.657.856
2	Trả trước cho người bán	132	22.735.369.724	32.580.161.125
4	Phải thu ngắn hạn khác	135	75.244.498.206	60.755.138.719
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(2.332.964.507)	(2.410.267.719)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>			
	<b>140</b>		<b>5.789.373.462</b>	<b>4.126.219.112</b>
1	Hàng tồn kho	141	5.789.373.462	4.126.219.112
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>			
	<b>150</b>		<b>196.055.706.000</b>	<b>215.104.447.737</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	196.055.706.000	214.553.082.106
1.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1	190.146.497.388	206.379.838.951
1.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2	5.909.208.612	8.173.243.155
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	-	551.365.631
<b>VIII.</b>	<b>Tài sản tái bảo hiểm</b>			
	<b>190</b>	<b>9</b>	<b>459.632.752.228</b>	<b>405.241.896.584</b>
1	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	194.750.806.293	172.279.621.267
2	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	264.881.945.935	232.962.275.317

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 260)	<b>200</b>		<b>156.646.541.781</b>	<b>160.019.042.880</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.431.321.918</b>	<b>14.194.703.249</b>
4 Phải thu dài hạn khác	218	8(b)	15.431.321.918	14.194.703.249
4.1 Ký quỹ bảo hiểm	218.1		8.000.000.000	8.000.000.000
4.2 Phải thu dài hạn khác	218.2		7.431.321.918	6.194.703.249
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>124.953.080.868</b>	<b>131.407.973.616</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	12	62.226.920.796	69.352.955.007
- Nguyên giá	222		174.318.526.947	171.496.723.585
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112.091.606.151)	(102.143.768.578)
3 Tài sản cố định vô hình	227	13	62.726.160.072	62.055.018.609
- Nguyên giá	228		71.233.773.826	69.343.773.826
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.507.613.754)	(7.288.755.217)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.262.138.995</b>	<b>14.416.366.015</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	16.262.138.995	14.416.366.015
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>4.771.980.517.070</b>	<b>4.340.334.863.129</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>3.016.335.421.234</b>	<b>2.799.517.923.846</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.016.335.421.234</b>	<b>2.799.517.923.846</b>
2 Phải trả cho người bán	312	14	357.484.836.775	300.855.016.266
2.1 Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		353.245.080.093	294.090.006.737
2.2 Phải trả khác cho người bán	312.2		4.239.756.682	6.765.009.529
3 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313		4.322.047.308	6.746.544.674
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	36.899.377.108	25.396.192.483
5 Phải trả người lao động	315		56.344.471.818	45.925.238.757
8 Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	16	29.468.008.790	27.589.647.440
9 Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	63.038.952.909	56.900.243.541
10 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319.2	18	305.129.869.893	297.276.146.278
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	19	51.072.079.115	76.403.010.712
13 Dự phòng nghiệp vụ	329	20	2.112.575.777.518	1.962.425.883.695
13.1 Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		1.358.507.747.394	1.314.495.154.275
13.2 Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		531.543.499.985	448.872.090.508
13.3 Dự phòng dao động lớn	329.3		222.524.530.139	199.058.638.912
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.755.645.095.836</b>	<b>1.540.816.939.283</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>1.755.645.095.836</b>	<b>1.540.816.939.283</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.013.476.320.000	723.917.500.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		28.276.810.000	16.470.740.000
4 Cổ phiếu quỹ	414		-	(10.052.400.000)
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		273.653.778.964	418.433.188.964
9 Quỹ dự trữ bắt buộc	419		85.107.148.678	72.391.750.000
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		355.131.038.194	319.656.160.319
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>4.771.980.517.070</b>	<b>4.340.334.863.129</b>

Ngày 9 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Lê Thị Thanh Huyền  
Kế toán

Người kiểm soát:



Phạm Minh Trí  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Thái  
Tổng Giám đốc

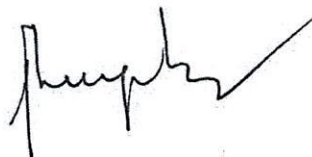
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Phần I - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**

	Mã số	2025 VND	2024 VND
1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	2.452.663.464.110	2.153.284.689.756
3 Doanh thu hoạt động tài chính	12	153.413.090.287	149.934.837.164
4 Thu nhập khác	13	2.795.574.210	1.316.433.124
5 Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	1.673.371.782.226	1.458.854.349.051
7 Chi phí hoạt động tài chính	22	142.335.949	110.810.581
8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	616.207.784.802	588.722.150.970
9 Chi phí khác	24	310.869.971	704.344.544
<b>10 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 - 20 - 22 - 23 - 24)</b>	<b>50</b>	<b>318.839.355.659</b>	<b>256.144.304.898</b>
11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	64.531.382.106	51.427.157.920
<b>13 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>	<b>254.307.973.553</b>	<b>204.717.146.978</b>
			(Điều chỉnh lại)
<b>14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>70</b>	<b>1.912</b>	<b>1.443</b>

Ngày 9 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Lê Thị Thanh Huyền  
 Kế toán

Người kiểm soát:



Phạm Minh Trí  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Hồng Thái  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động**

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
<b>1 Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>2.747.278.293.304</b>	<b>2.392.214.851.354</b>
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		2.627.022.351.034	2.301.313.340.533
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		164.268.535.389	130.186.642.615
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3	20(a)(i)	44.012.593.119	39.285.131.794
<b>2 Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)</b>	<b>02</b>	<b>23</b>	<b>422.230.578.877</b>	<b>338.937.596.302</b>
Trong đó:				
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		444.701.763.903	374.851.917.747
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2	20(a)(i)	22.471.185.026	35.914.321.445
<b>3 Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)</b>	<b>03</b>		<b>2.325.047.714.427</b>	<b>2.053.277.255.052</b>
<b>4 Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)</b>	<b>04</b>		<b>127.615.749.683</b>	<b>100.007.434.704</b>
Trong đó:				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	17	127.535.289.928	99.924.094.769
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		80.459.755	83.339.935
<b>5 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)</b>	<b>10</b>		<b>2.452.663.464.110</b>	<b>2.153.284.689.756</b>
<b>6 Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)</b>	<b>11</b>		<b>846.522.081.696</b>	<b>780.472.947.085</b>
Trong đó:				
- Tổng chi bồi thường	11.1	24	859.557.856.961	785.695.077.494
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2	24	13.035.775.265	5.222.130.409
<b>7 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>12</b>	<b>24</b>	<b>112.412.395.009</b>	<b>93.213.258.200</b>
<b>8 Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>13</b>	<b>20(a)(ii)</b>	<b>82.671.409.477</b>	<b>193.138.440.138</b>
<b>9 Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>14</b>	<b>20(a)(ii)</b>	<b>31.919.670.618</b>	<b>158.468.344.852</b>
<b>10 Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)</b>	<b>15</b>	<b>24</b>	<b>784.861.425.546</b>	<b>721.929.784.171</b>
<b>11 Tăng dự phòng dao động lớn</b>	<b>16</b>	<b>20(b)</b>	<b>23.465.891.227</b>	<b>20.566.480.653</b>
<b>12 Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)</b>	<b>17</b>	<b>25</b>	<b>865.044.465.453</b>	<b>716.358.084.227</b>
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		444.908.870.711	376.075.493.227
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		420.135.594.742	340.282.591.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

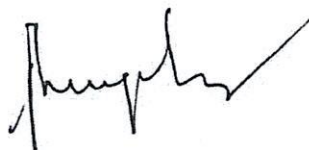
Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
13 Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		1.673.371.782.226	1.458.854.349.051
14 Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		779.291.681.884	694.430.340.705
18 Doanh thu hoạt động tài chính	23	26	153.413.090.287	149.934.837.164
19 Chi phí hoạt động tài chính	24		142.335.949	110.810.581
20 Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)	25		153.270.754.338	149.824.026.583
21 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	616.207.784.802	588.722.150.970
22 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		316.354.651.420	255.532.216.318
23 Thu nhập khác	31		2.795.574.210	1.316.433.124
24 Chi phí khác	32		310.869.971	704.344.544
25 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.484.704.239	612.088.580
26 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		318.839.355.659	256.144.304.898
27 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	64.531.382.106	51.427.157.920
29 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		254.307.973.553	204.717.146.978
30 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	70	29	1.912	1.443

(Điều chỉnh lại)

Ngày 9 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Lê Thị Thanh Huyền  
 Kế toán

Người kiểm soát:



Phạm Minh Trí  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Hồng Thái  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

	Mã số	2025 VND	2024 VND
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ phí bảo hiểm và hoa hồng, các khoản thu bồi hoàn và thu từ các hoạt động kinh doanh khác	01	2.508.535.452.253	2.286.764.799.101
2. Tiền chi bồi thường bảo hiểm, chi hoa hồng và các khoản chi khác cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm	02	(1.839.943.159.620)	(1.667.055.006.186)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(247.647.247.173)	(263.215.993.393)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(55.501.594.237)	(45.649.677.914)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	38.682.530.026	25.330.651.735
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(184.659.941.386)	(175.858.603.607)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>219.466.039.863</b>	<b>160.316.169.736</b>
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(7.766.621.544)	(8.123.176.678)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	408.636.364	819.516.363
3. Tiền chi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(1.469.740.115.100)	(1.466.954.283.421)
4. Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.073.198.000.000	1.313.954.341.723
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	138.035.901.891	169.510.384.799
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(265.864.198.389)</b>	<b>9.206.782.786</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	21.858.470.000	8.316.740.000
6. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(5.223.000)	(142.376.115.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>21.853.247.000</b>	<b>(134.059.375.000)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

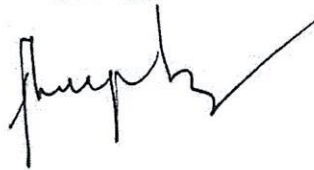
**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(Phương pháp trực tiếp - tiếp theo)**

**Mẫu B 03 - DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(24.544.911.526)	35.463.577.522
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	152.298.936.107	116.835.358.585
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 4)	70	127.754.024.581	152.298.936.107

Ngày 9 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Lê Thị Thanh Huyền  
Kế toán

Người kiểm soát:



Phạm Minh Trí  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Thái  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*